

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 1261 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 10 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động
môi trường Dự án Đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C
(Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ);

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 1327/SGTVT-QLDA ngày 04/5/2022 của Ban Quản lý Dự án công trình giao thông – Sở Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2505/STNMT-BVMT ngày 06/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ) sau đây gọi tắt là Dự án của Ban Quản lý Dự án công trình giao thông – Sở

Giao thông vận tải (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Đô Lương, Tân Kỳ và Yên Thành; Chủ tịch UBND các xã: Hòa Sơn, Bài Sơn và Giang Sơn Đông (huyện Đô Lương); Minh Thành, Thịnh Thành (huyện Yên Thành); Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồng Nghĩa Hiếu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỐI TỪ
QUỐC LỘ 7C (ĐÔ LƯƠNG) ĐẾN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH (TÂN KỲ)

(kèm theo Quyết định số: 1261 /QĐ-UBND ngày 10 / 5 /2022
của UBND tỉnh Nghệ An).

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Đầu tư xây dựng công trình đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ).

1.2. Chủ dự án

- Tên Chủ dự án: Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An.
- Tên đại diện Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án công trình giao thông Nghệ An.
- Địa chỉ liên hệ: số 47, đường Lê Hồng Phong, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 02383 844 530.
- Người đại diện: Ông Vương Đình Nhuận - Chức vụ: Giám đốc.
- Tiến độ thực hiện dự án: không quá 04 năm, kể từ ngày khởi công xây dựng.

1.3. Địa điểm và phạm vi thực hiện dự án

- Đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ) với tổng chiều dài 21,363km (trong đó khoảng 3,15km trùng với đường tỉnh 538B đã đầu tư xây dựng).

+ Điểm đầu (Km0+0,00): xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương (giao với Quốc lộ 7C tại Km48+600);

+ Điểm cuối (Km21+363): xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ (giao với đường Hồ Chí Minh tại Km684+815);

+ Hướng tuyến đi qua địa phận xã Hòa Sơn, xã Bài Sơn, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương; xã Minh Thành, xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành; xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ.

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn diện tích sử dụng đất khoảng 539.855,46m² thuộc địa phận huyện Đô Lương, huyện Yên Thành và huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, gồm các xã, phường như sau:

Bảng 1. Các tuyến đường

TT	Thiết kế		Địa phương	
	Lý trình	Chiều dài (m)	Xã	Huyện
1	Km0+00-:- Km3+150	3.150	Hòa Sơn	Huyện Đô Lương
2	Km3+150-:-Km4+750	1.600	Bài Sơn	
3	Km6+500-:-Km8+00	1.500	Bài Sơn	
4	Km15+00-:-Km20+00	5.000	Giang Sơn Đông	
5	Km4+750 -:-Km6+500	1.750	Minh Thành	Huyện Yên Thành
6	Km8+00-:- Km15+00	7.000	Thịnh Thành	
7	Km20+00-:- Km21+363	1.363	Kỳ Tân	Huyện Tân Kỳ
Tổng cộng		21.363m		

1.4. Quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của Dự án

1.4.1. Quy mô dự án, công suất, công nghệ Dự án

- Điểm đầu (Km0+0,00): xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương (giao với Quốc lộ 7C tại Km48+600).

- Điểm cuối (Km21+363): xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ (giao với đường Hồ Chí Minh tại Km684+815).

- Tuyến đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ) được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021 với quy mô đường cấp III đồng bằng, bề rộng nền đường 12m, 2 làn xe cơ giới. Riêng phạm vi từ Km21+015 – Km21+363 (giao với đường Hồ Chí Minh): thiết kế theo quy hoạch thị trấn Tân Kỳ với quy mô nền đường rộng 27m, mặt đường rộng 15m, vỉa hè mỗi bên rộng 6m.

- Kết cấu mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160 \text{Mpa}$.

- Công trình cầu, cống:

+ Khổ cầu, cống phù hợp với nền đường;

+ Tải trọng thiết kế cầu: HL93;

+ Tải trọng thiết kế cống: H30-XB80.

- Tần suất thiết kế: nền đường $P=4\%$, cầu $P=1\%$.

- Phần cầu: quy mô mặt cắt ngang cầu:

+ Tiêu chuẩn thiết kế cầu: theo TCVN 11823 - 2017, tải trọng HL93;

+ Khổ cầu: khổ cầu phù hợp với khổ nền đường: $B_c = 0,5 + 11 + 0,5 = 12,0 \text{m}$;

- + Cấp động đất: cấp 7, thang MSK-64 theo tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 221-95;
- + Tần suất thiết kế: cầu nhỏ, công $P=4\%$, cầu trung $P=1\%$.

1.4.2. Các hạng mục, công trình chính

1.4.2.1. Hạng mục tuyến

- Hướng tuyến và bình diện:

+ Từ Km0+00 – Km4+700 thuộc địa phận xã Hòa Sơn và xã Bài Sơn, huyện Đô Lương (dài khoảng 4,7km);

+ Từ Km4+700 – Km6+200 thuộc địa phận xã Minh Thành, huyện Yên Thành (dài khoảng 1,5km);

+ Từ Km6+200 – Km8+00 thuộc địa phận xã Bài Sơn, huyện Đô Lương (dài khoảng 1,8km);

+ Từ Km8+00 – Km15+00 thuộc địa phận xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành (dài khoảng 7km);

+ Từ Km15+00 – Km17+500 thuộc địa phận xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương (dài khoảng 2,5Km);

+ Từ Km17+500 – Km21+363 thuộc địa phận xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương (dài khoảng 2,5km).

- Thiết kế cắt ngang tuyến:

+ Đường cấp III đồng bằng theo tiêu chuẩn đường TCVN4054-2005;

+ Tốc độ thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$;

+ Mặt cắt ngang Km0+00 – Km3+150: bề rộng nền đường $B_{nền} = 12\text{m}$; bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 7\text{m}$; bề rộng lề gia cố $B_{lgc} = 2 \times 1,0\text{m} = 2\text{m}$; Mở rộng lề gia cố có kết cấu như kết cấu mặt đường $B_{mr} = 2 \times 1\text{m}$; bề rộng lề đất $B_{lđ} = 2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$;

+ Quy mô mặt cắt ngang Km3+150 – Km21+015: bề rộng nền đường $B_{nền} = 12\text{m}$; bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 7\text{m}$; bề rộng lề gia cố có kết cấu như kết cấu mặt đường $B_{lgc} = 2 \times 2\text{m} = 4\text{m}$; bề rộng lề đất $B_{lđ} = 2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$;

+ Quy mô mặt cắt ngang Km21+015 – Km21+363 (giao với đường HCM): thiết kế theo quy hoạch thị trấn Tân Kỳ: bề rộng nền đường $B_{nền} = 27\text{m}$; bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 15\text{m}$; bề rộng vỉa hè $B_{vh} = 2 \times 6,0\text{m} = 12\text{m}$.

- Thiết kế cắt dọc tuyến:

+ Cao độ tại mép nền đường đảm bảo cao hơn mực nước ứng với tần suất $H = 4\%$, có xét đến mực nước dâng trước công (nếu có) tối thiểu là 50cm ($H_{tk} \geq H4\% + 0,5$);

+ Cao độ điểm đầu, điểm cuối: khớp nối vào đường bê tông nhựa đã thi công;

+ Độ dốc dọc tối đa 5%, tối thiểu đối với đường đào đảm bảo thoát nước là 0.3%, chiều dài tối thiểu của đoạn dốc 200m.

1.4.2.2. Cầu (Km11+472.52 và Km13+927.33)

- Quy mô: bằng BT, BTCT, BTCT DƯL.
- Khổ cầu: khổ cầu, công phù hợp với khổ nền đường.
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu: theo TCVN 11823 - 2017, tải trọng HL93.
- Khổ cầu: bề rộng toàn cầu $B=12.0+0.5 \times 2=13.0\text{m}$.
- Cấp độ đất: cấp 7, thang MSK-64.
- Tần suất thiết kế cầu: $P = 1\%$.

1.4.2.3. Via hè

- Via hè bố trí hai bên, mỗi bên rộng 6m, kết cấu lát gạch block tự chèn dày 6cm trên lớp cát đệm dày 4cm và lớp bê tông lót M100 dày 10cm.

- Bó via hè bằng gạch chỉ xây vữa xi măng M75 trên lớp bê tông lót M100.

- Hệ thống bó via và đan rãnh thiết kế hoàn chỉnh, kết cấu bằng bê tông M200 lắp ghép. Bó via phía lòng đường vát xiên để người dân hai bên đường có thể dắt xe đạp, xe máy lên xuống.

1.4.3. Các hạng mục, công trình phụ trợ

1.4.3.1. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công

- Lán trại công nhân:

+ Quy mô lán trại: do đặc điểm xây dựng đường giao thông đơn giản nên công ty không xây dựng các công trình nhà kiên cố mà sử dụng các container được cải tạo để thuận tiện trong việc xây dựng đường giao thông. Mỗi công trường bố trí 10 container cho 50 công nhân sinh hoạt và làm việc;

+ Nhà trực ca điều hành: được sử dụng 20 container 20ft cho 02 công trường;

+ Nhà kho chất thải, kho vật tư: bố trí trong 01 container 20ft chia các ngăn.

- Bãi đúc dầm:

+ Chiều dài toàn dầm: $L_{TB} = 33\text{m}$;

+ Chiều dài nhịp tính toán: $L_{TT} = 32.2\text{m}$;

+ Chiều cao dầm: $h = 1,65\text{m}$;

+ Cấp bê tông: C40 (40Mpa);

- + Số bó cáp cường độ cao: 5 bó (loại 12 tao 12,7mm);
- + Neo EC - Theo tiêu chuẩn OVM.
- Bãi tập trung tập kết vật liệu diện tích 400m² nằm ở dọc tuyến gần lán trại công nhân xây dựng.

1.4.3.2. Các hạng mục phụ trợ phục vụ giai đoạn vận hành

** Các công trình phòng hộ và an toàn giao thông:*

- Tường chắn taluy dương áp dụng các đoạn đi qua vùng đất có nguy cơ sạt lở.
- Tường chắn taluy âm áp dụng cho các đoạn đi sát hồ, ao, không thể đắp được.
- Thiết kế tường chắn bê tông xi măng M200# theo định hình 78-02X.
- Ốp mái taluy âm tại các vị trí có nguy cơ xói lở (nền đường đắp cao >12m) và những đoạn gần đầu cầu bằng đá hộc xây VXM M100 dày 25cm.

** Hệ thống điện chiếu sáng:*

- Trên các tuyến đường đi vào nút giao sử dụng cột thép bát giác cao 8m, lắp đèn cao 2m có độ vươn cần 1,5m. Bố trí cột hai bên vỉa hè đường theo kiểu so le, khoảng cách giữa 2 cột một bên là 40m.
- Tại các vị trí ngã tư nút giao bố trí thêm 02 cột đèn bát giác cao 14m, lắp giá bắt đèn pha.

** Hệ thống đèn tín hiệu giao thông:*

- Nút giao với Đường tỉnh lộ 538 (nguồn điện sử dụng điện lưới): lắp đặt 02 cột cao 6,2m vươn 4m; 04 cột cao 2,5m.
- Nút giao với Đường Quốc lộ 48E (nguồn điện sử dụng điện lưới): lắp đặt 02 cột cao 6,2m vươn 7m; 02 cột cao 6,2m vươn 6m; 04 cột cao 4,4m.
- Lắp đặt 01 tủ điều khiển và tiếp địa.

** Nút giao với Đường Hồ Chí Minh (Nguồn điện sử dụng điện lưới):*

- Lắp đặt 02 cột cao 6,2m vươn 7m; 01 cột cao 6,2m vươn 6m; 01 cột cao 6,2m vươn 4m; 04 cột cao 4,4m.
- Lắp đặt 01 tủ điều khiển và tiếp địa.

1.4.4. Các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường

1.4.4.1. Các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn thi công

a. Hạng mục công trình thu gom, xử lý nước thải

** Nước thải sinh hoạt:*

- Dự án bố trí 02 công trường trên toàn tuyến và sẽ bố trí 02 nhà vệ sinh di

động tại khu vực thi công, thiết kế bằng vật liệu thép cường độ cao kết hợp với nhựa uPVC và composite, kích thước 1,8mx1,5mx2,5m.

- Bể lắng 03 ngăn để xử lý nước thải tắm giặt, nước thải vệ sinh khác của công nhân phát sinh trong giai đoạn thi công và nước rửa bánh xe trước khi xe ra khỏi công trường. Kích thước bể tối thiểu: $D \times R \times C = 2m \times 1m \times 1,5m$. Trước cửa thu vào bể lắng sẽ đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác. Nước sau khi để lắng trong bể sẽ được tái sử dụng. Cạn lắng sẽ hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện nạo vét, vận chuyển và xử lý theo quy định. Các bể xử lý xây dựng gần khu vực lán trại của công nhân xây dựng.

* Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thu gom thoát nước chung hai bên Quốc lộ 7C theo hiện trạng được cải tạo và xây mới. Tổng chiều dài hệ thống mương thoát nước tính cả hai bên đường là 42,726km; có kích thước tối thiểu 50cmx50cmx 30cm được đầm chặt và lót vải địa kỹ thuật để chống xói.

- Công thoát nước ngang với quy mô các loại cống như sau:

Bảng 2. Quy mô các cống thoát nước ngang

Loại cống	Số lượng
Cống tròn D1.0m	30
Cống tròn D1.5m	23
Cống tròn 2D1.5m	3
Cống tròn 3D1.5m	1
Cống hộp 1.0x1.0m	16
Cống hộp 2.0x2.0m	7
Cống hộp 3.0x3.0m	2
Cống hộp 2x3.0x3.0m	4
Cống hộp 2x3.0x2.0m	1
Cống hộp 3x3.0x3.0m	4
Tổng cộng:	91

- Thiết kế hệ thống thoát nước dọc:

+ Rãnh dọc sử dụng rãnh hình thang kích thước (0,4x1,2x0,4)m, rãnh sâu 0,4m, đáy rộng 0,4m và chiều rộng mặt thoáng 1,2m, rãnh được gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng M100 dày 25cm; các vị trí qua cống nhà dân đặt tấm bản KT(140x75x10)cm bằng BTCT mác M250 đúc sẵn (3 tấm bản/1 vị trí). Các vị trí qua đường ngang thiết kế rãnh kín chịu lực tiết diện hình chữ nhật, khẩu độ B=60cm, kết cấu móng và thân rãnh bằng BTCT mác M250 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; Tấm bản bằng BTCT mác M250 đổ tại chỗ;

+ Đoạn qua khu vực đông dân cư tại Nút giao Km21+362,95 (giao với đường Hồ Chí Minh), các vị trí qua đường ngang dân sinh nổi rãnh hình thang thiết kế rãnh chữ nhật chịu lực thiết kế rãnh kín chịu lực BTCT M250 lắp ghép, rãnh có tiết diện hình chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh $B=0,6m$, thành và đáy rãnh dày 15cm. Tấm đan nắp rãnh bằng BTCT M250, lắp ghép, kích thước (90x100x15)cm;

+ Dọc theo chiều dài rãnh thoát nước dọc phía bên phải tuyến, cứ khoảng 30m bố trí một hệ thống giếng thu - cửa thu nước từ mặt đường vào rãnh dọc kết hợp kiểm tra khi có sự cố;

+ Kết cấu hố thu: thân hố bằng gạch chi xây vữa xi măng M75; xà mũ bằng BTCT M200 đổ tại chỗ, tấm đan bằng BTCT M200 lắp ghép; móng bê tông xi măng M150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

b. Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: dự án bố trí 02 container tại 02 khu vực ở đầu tuyến đường xây dựng. Mỗi container bố trí 01 ngăn để lưu giữ chất thải rắn. Mỗi công trường có 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt, loại thùng nhựa 60 lít, có nắp. Các thùng rác được để trong container được chia làm các ngăn để chất thải.

- Chất thải xây dựng:

Bãi lưu giữ chất thải rắn: bố trí 04 bãi thải đủ chứa khối lượng 335.360,42m³ đất đá thừa của dự án, các bãi thải đã có biên bản chấp thuận vị trí đổ thải của chính quyền địa phương.

Cụ thể quy mô các bãi thải như sau:

Bảng 3. Thống kê các vị trí bãi đổ thải của dự án

TT	Tên bãi đổ thải	Thể tích chứa
1	Bãi thải Km5+900 xã Bài Sơn, huyện Đô Lương	165.000m ³
2	Bãi thải Km12+400 xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành	150.000m ³
3	Bãi thải sân vận động xóm Thành Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ	48.000m ³
4	Bãi thải Km16+700 xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương	130.000m ³
5	Tổng	493.000m³

c. Kho chất thải nguy hại (CTNH)

Bố trí 02 container ở 02 khu vực để làm khu vực lưu giữ chất thải. Ở mỗi container ở mỗi khu vực được chia các ngăn để các loại chất thải. Trong đó một ngăn với diện tích 10m² để bố trí các thùng đựng CTNH. Ngăn để các thùng CTNH có biển báo, các thùng chứa bằng composit có dán nhãn mã CTNH; mặt sàn khu vực tạm lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đặt ở gần container khu vực văn phòng, khoảng

cách trên 10m với các thiết bị đốt hay dễ cháy nổ. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 3-6 tháng/lần.

1.4.4.2. Các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn dự án đi vào vận hành.

Giai đoạn dự án đi vào vận hành, công trình bảo vệ môi trường chỉ còn lại hệ thống mương rãnh thoát nước dọc hai bên tuyến đường như đã nêu ở phần 1.4.4.1.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 4. Các tác động môi trường chính của dự án

TT	Nguồn phát sinh	Chất thải phát sinh	Đối tượng bị tác động	Phạm vi, mức độ tác động
I	Tác động trong giai đoạn xây dựng			
1	Thi công giải phóng mặt bằng, xây dựng	- Bụi, khí thải; - Chất thải rắn; - Chất thải rắn thi công.	- Công nhân thi công. - Môi trường không khí, nước, đất và cảnh quan khu vực dự án.	- Mức độ: thấp. - Khu vực dự án.
2	Hoạt động của các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển	- Bụi, khí thải. - Dè lau dính dầu mỡ,...	- Công nhân thi công tại dự án. - Môi trường không khí, nước, đất và cảnh quan khu vực dự án.	- Mức độ: trung bình. - Từ 1-200 m từ khu vực thi công, đường vận chuyển.
3	Sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công	- Chất thải rắn sinh hoạt; - Nước thải sinh hoạt.	- Công nhân tại dự án. - Môi trường không khí, nước, đất và cảnh quan xung quanh khu vực dự án.	- Mức độ: thấp. - Khu vực dự án.
4	Nước mưa chảy tràn	- Đất, đá, chất thải rắn cuốn theo từ khai trường.	Môi trường đất, nước và cảnh quan xung quanh khu vực dự án	- Mức độ: trung bình. - Khu vực dự án.
5	Tháo dỡ lán trại, trả lại mặt bằng	- Chất thải rắn thi công; - Bụi, khí thải.	- Công nhân thi công. - Môi trường không khí, nước, đất và cảnh quan khu vực dự án.	- Mức độ: thấp. - Khu vực dự án.
II	Tác động trong giai đoạn vận hành			
1	Hoạt động của phương tiện vận tải	- Khí thải, bụi. - Tiếng ồn.	Môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án.	- Mức độ: trung bình. - Khu vực dự án, đường vận chuyển.
2	Nước mưa chảy	Nước mưa chảy	Môi trường nước, đất và	- Mức độ:

	tràn bề mặt	tràn cuốn theo đất, đá, chất rắn lơ lửng	cảnh quan xung quanh khu vực dự án.	trung bình. - Khu vực dự án.
--	-------------	--	-------------------------------------	---------------------------------

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Khối lượng phát sinh: 5 m³/ngày cho toàn dự án;
 - + Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.
- Nước mưa chảy tràn:
 - + Khối lượng phát sinh lớn nhất: 5.443,2 m³/ngày;
 - + Thành phần, tính chất: nước thải chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, cát sỏi, đất,...

2.2.2. Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:
- + Khối lượng phát sinh: 5.443,2 m³/ngày.
 - + Thành phần, tính chất: nước thải chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, cát sỏi, đất,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Bụi và khí thải do quá trình san lấp đào đường và vận chuyển các loại nguyên vật liệu phục vụ cho toàn bộ và đất đá thải của dự án.
- Hoạt động nhựa đường được gia nhiệt trong các nồi nấu, hoặc trộn với cốt liệu nóng, các loại khí sẽ bị bay lên.
- Bụi, khí thải do các phương tiện, máy móc thi công.
- Thành phần, tính chất: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC,...

2.3.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện lưu thông trên quốc lộ ảnh hưởng đến môi trường không khí. Các phương tiện chủ yếu là ô tô, xe máy.
- Thành phần, tính chất: bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn vận hành có thành phần chủ yếu là bụi và các loại khí thải như CO, SO₂, NO₂,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

2.4.1. Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt:
 - + Khối lượng phát sinh: 50 kg/ngày/2 công trường;
 - + Thành phần: chất thải rắn hữu cơ (thức ăn thừa, giấy loại,...), chất thải rắn khó phân huỷ (vỏ chai, nilon,...).
- Bùn cặn từ nhà vệ sinh di động: 2 kg/ngày.
- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang:: 17.599m³.
- Tổng khối lượng đất đào của dự án: 1.909.078,68m³.
- Chất thải rắn xây dựng: 526,5 kg/ngày.

2.4.2. Giai đoạn vận hành

- Giai đoạn dự án đi vào vận hành, chất thải phát sinh chủ yếu chất là rác thải sinh hoạt rơi vãi trên tuyến đường và các loại chất thải rắn khác.
- Khối lượng trung bình: 15 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu đối với phương tiện thi công tại mỗi công trường và bóng đèn huỳnh quang hỏng:

- Khối lượng chất thải nguy hại: 15 kg/tháng/công trường.
- Thành phần, tính chất: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu,...

2.6. Quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung

2.6.1. Giai đoạn xây dựng

- Tiếng ồn: phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đồ thái, phương tiện thi công; đào và vận chuyển đất, đá với các loại máy móc như máy ủi, gầu ngoạm, xe tải; san đầm với các loại máy móc chủ yếu là máy san, lu.
- Độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công, phương tiện vận chuyển. Dự báo độ rung ở giai đoạn này ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công nhưng ảnh hưởng không đáng kể tới khu vực dân cư.

2.6.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện đi lại trên tuyến đường như ô tô, xe máy, các phương tiện cơ giới khác...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng

- a. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Biện pháp: ưu tiên thuê công nhân tại địa phương để hạn chế phát sinh nước thải sinh hoạt; lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại 02 khu vực thi công, thiết kế bằng vật liệu thép cường độ cao kết hợp với nhựa uPVC và composite, kích thước 1,8mx1,5mx2,5m với bể tự hoại có thể tích khoảng 1m³ (kích thước 1mx1mx1m) để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công; căn thải từ nhà vệ sinh di động được hợp đồng với đơn vị có đủ điều kiện định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể theo quy định.

- Công trình xử lý nước thải từ quá trình sinh hoạt (từ hoạt động tắm rửa, vệ sinh tay chân...): 01 bể lắng cấu tạo gồm 03 ngăn, kích thước: 2mx1mx1,5m, dung tích 3m³.

- Quy trình xử lý: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

b. Thu gom, xử lý nước thải xây dựng

- Biện pháp: thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động trộn bê tông, rửa bánh xe tại công trường thi công vào bể lắng ba ngăn cùng với nước thải sinh hoạt của công nhân. Nước rửa sau khi lắng cát và sử dụng bỏ dung dịch Clo đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,2 được sử dụng làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến vị trí đổ thải phế thải xây dựng.

- Quy trình xử lý nước thải từ quá trình hoạt động rửa xe, tưới lốp: nước thải từ hoạt động rửa xe → bể lắng → tách dầu → bỏ dung dịch Clo khử khuẩn → lắng cặn → nước rửa sau khi được lắng cặn (đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,2) → làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

c. Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

- Thu gom nước mưa chảy tràn vào rãnh thoát dọc hai tuyến đường, lắng qua các hố để lắng đọng bùn, đất trước khi nước thoát ra môi trường; thường xuyên nạo vét rãnh thoát nước, đảm bảo lưu thông dòng chảy; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất đá thải.

- Quy trình: nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → lắng cặn → môi trường.

3.1.2. Giai đoạn hoạt động

Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

- Tiếp tục sử dụng hố lắng và hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn đã xây dựng trong giai đoạn xây dựng.

- Định kỳ kiểm tra, vớt rác, nạo vét hố ga đảm bảo công tác thoát nước mưa là liên tục, tránh tình trạng ứ đọng nước cục bộ ảnh hưởng đến thoát nước mặt của tuyến đường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn xây dựng

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm chất lượng theo quy định.

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,....

- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; không vận chuyển quá tốc độ.

- Phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận đoạn qua khu dân cư, tần suất phun nước làm ẩm được tăng cường, tối thiểu 04 lần/ngày vào những ngày không mưa.

- Rửa lớp bánh của xe ô tô khi ra khỏi công trường: bố trí vòi rửa lớp xe bám bùn đất trước khi rời khỏi công trường vào các tuyến đường dân cư.

- Quét dọn sạch sẽ đoạn tuyến nội bộ và đường tiếp cận qua khu dân cư vào cuối mỗi buổi làm việc.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

3.2.2. Giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường trong giai đoạn vận hành nhằm hạn chế tối đa lớp bê tông alphas bị lão hoá.

- Khi tiến hành bảo dưỡng công trình cần có biển báo, hướng dẫn giao thông và dùng vòi nước làm ẩm khu vực bảo dưỡng trước khi tiến hành duy tu, bảo dưỡng để hạn chế bụi.

- Định kỳ quét dọn, thu gom đất cát rơi vãi, tưới ẩm cho tuyến đường hạn chế phát sinh bụi.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

a. Chất thải sinh hoạt

- Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy tại mỗi công trường thi công, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý với tần suất 03 ngày/lần.

- Tuyên truyền cho công nhân các quy định về bảo vệ môi trường.

- Thu gom rác thải và đổ bỏ vào nơi quy định hàng ngày.

b. Chất thải xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng:

+ Chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng được hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện để vận chuyển và chuyển giao đơn vị xử lý theo quy định;

+ Các loại cây có giá trị sẽ tận thu làm vật liệu hoặc bán cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất đồ gỗ;

+ Đất đào hữu cơ sẽ tận dụng để trồng cỏ taluy dọc hai bên cầu trong dự án.

- Chất thải xây dựng khác:

+ Tận dụng lại một phần đất đá, gạch ngói, bê tông để san nền công trường;

+ Phần không thể tận dụng lại được vận chuyển đổ thải tại các bãi thải trên cơ sở biên bản thỏa thuận với UBND các xã dọc tuyến thi công;

- Tận dụng tối đa đất đào để phục vụ cho dự án để hạn chế đổ thải.

- Chất thải rắn xây dựng như bao xi măng, sắt thép vụn,... sẽ được thu gom về khu lán trại và định kỳ vận chuyển ra bán phế liệu.

- Ván, cột gỗ phục vụ xây dựng sau khi hoàn thành công trình được thu gom và bảo quản để sử dụng lại cho các công trình khác.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại chủ yếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng. Không thực hiện việc thay dầu tại công trường, nên việc quản lý chất thải chủ yếu đối với một số loại chất thải như bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dầu mỡ. Cụ thể như sau:

- Toàn bộ tuyến đường dự án bố trí 02 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết chất thải tại một ngăn chứa của container, ngăn chứa chất thải nguy hại có biển báo theo quy định.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và chuyển giao cho đơn vị đủ điều kiện xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.5.1. Giai đoạn xây dựng

- Không sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn; sử dụng các thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Hạn chế các công việc gây rung động lớn vào ban đêm (*sau 22 giờ*).

- Các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; hạn chế sử dụng biện pháp đóng cọc; sử dụng máy ép cọc trong quá trình thi công cọc cừ.

- Thực hiện thi công xây dựng trong thời gian quy định, không thi công vào giờ nghỉ làm ảnh hưởng đến người dân.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

- Đặt biển báo quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế phân tuyến tại các đoạn phù hợp để không gây ra tiếng ồn và rung lớn.

- Thường xuyên phối hợp với đơn vị chức năng khác như: cảnh sát giao thông, lực lượng cơ động,... tuần tra, kiểm tra các phương tiện tham gia giao thông nhất là các loại xe tải nhằm hạn chế vi phạm giao thông, đặc biệt là hiện tượng chở quá tải, phương tiện quá cũ,...gây ô nhiễm môi trường không khí.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Giai đoạn xây dựng

a. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông đường bộ

- Phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực.

- Lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật -liệu vào các khung giờ cao điểm.

- Lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại khu vực thi công ban đêm.

b. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố úng ngập và giảm thiểu tác động đến nguồn nước tưới phục vụ nông nghiệp

- Thực hiện cải tạo kênh, mương tại các vị trí mà đoạn tuyến cắt qua trước khi tiến hành thi công; hoàn thành việc cải tạo kênh, mương trước mùa gieo cấy.

- Sử dụng khung vây (tường chắn nước) xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp đào hồ để ngăn nước mưa và thủy triều chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ.

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây úng ngập.

c. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh (Covid 19)

- Yêu cầu nhà thầu xây dựng nghiêm chỉnh chấp hành chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, yêu cầu của cơ quan y tế về biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong phạm vi công trường xây dựng và các khu vực lân cận công trường; tổ chức tổng vệ sinh, thu dọn công trường, phối hợp với các cơ quan y tế trong việc khử trùng trong phạm vi công trường và các khu vực lân cận; tổ chức rà soát, khai báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về danh sách cán bộ, công nhân, người lao động làm việc tại công trường, nhất là người lao động đến từ vùng có nguy cơ cao về dịch Covid-19.

- Trường hợp phát hiện có công nhân, người lao động tại công trường bị bệnh, nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm hoặc trở về từ vùng có dịch cần kịp thời thông báo ngay cho cơ quan y tế cấp huyện, cấp xã để tổ chức giám sát sức khỏe, thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch kịp thời. Dừng mọi hoạt động thi công xây dựng công trình trong trường hợp có người nhiễm dịch theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

d. Biện pháp đối với sự cố về cháy, nổ và sự cố sét đánh

- Trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ: bể phòng cháy chữa cháy, bình CO₂, hệ thống báo cháy,...theo đúng quy định về phòng cháy chữa cháy.

- Nước phòng cháy chữa cháy được lấy từ ao hồ của dọc tuyến.

- Tiến hành kiểm tra và sửa chữa theo định kỳ tất cả các máy móc, thiết bị và bồn chứa.

- Đặc biệt quan tâm, chú ý đến công tác phòng chống sét đánh và lưu ý tiếp đất cho các bồn và thiết bị nhằm tránh hiện tượng phát tia lửa điện gây cháy, nổ.

- Thiết lập hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các thiết bị và phương tiện phòng cháy hiệu quả nhất là xung quanh khu vực chứa dầu nhớt và dung môi.

- Các thiết bị điện sẽ được tính toán theo tiêu chuẩn quy phạm, dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dụng cụ, thiết bị bảo vệ quá tải. Những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ.

e. Biện pháp đối với sự cố tai nạn lao động

- Những sự cố tai nạn lao động luôn được nhắc nhở và cảnh báo với người lao động. Các công nhân lao động trên công trình được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động và được phổ biến về nội quy an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội quy nhằm giáo dục ý thức của toàn thể cán bộ công nhân viên nhà máy có ý thức tuân thủ an toàn trong lao động.

- Lắp đặt các loại biển báo, pano nhắc nhở mọi người thực hiện an toàn lao động.

- Tuân thủ thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ, phổ biến kỹ năng phòng cháy chữa cháy cho công nhân thi công, đồng thời có những hình thức xử lý đối với những công nhân không thực hiện đúng các quy định về an toàn cháy nổ.

f. Phòng ngừa, ngăn chặn sự cố bom mìn

- Để đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong thi công và vận hành tuyến đường phải dò tìm và xử lý bom mìn, vật nổ trong phạm vi xây dựng công trình theo các mức độ cần thiết.

- Thuê đơn vị quân đội thực hiện rà phá bom mìn.

- Các khu vực bao gồm tất cả diện tích của vùng mặt bằng thi công công trình, khu lán trại, các vị trí quan trọng và đào sâu như hồ, móng....

3.7. Công trình, biện pháp hoàn nguyên môi trường

3.7.1. Giai đoạn thi công

- Khi không còn sử dụng, các khu đất mượn tạm của địa phương sẽ được làm sạch và cải tạo, phục hồi theo cam kết ban đầu trước khi giao cho chủ sở hữu.

- Tại công trường thi công: công trường thi công sau khi hoàn thành, các hạng mục công trường sẽ được tháo bỏ, thu gom và xử lý rác thải. Hoàn trả lại mặt bằng bằng cách sử dụng lớp đất màu sẵn có để có thể đảm bảo cho người dân canh tác an toàn.

- Đảm bảo vệ sinh, an toàn trong quá trình sử dụng, bảo dưỡng đường, bảo đảm người dân đi lại bình thường, an toàn và khôi phục như trạng thái ban đầu trước khi bàn giao cho địa phương.

- Chất thải rắn xây dựng và đất đá rơi vãi được thu gom và vận chuyển về bãi thải.

- Hoàn trả mặt bằng và bàn giao lại cho địa phương quản lý.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Bảng 5. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Yêu cầu vận hành thử nghiệm
1	Hồ lắng, hệ thống mương thu gom nước thải dọc tuyến	Không
2	Hồ lắng nước mưa chảy tràn	Không
3	Kho lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn	Không
5	Hồ thu, hồ lắng nước rửa làm sạch bánh xe	Không

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Yêu cầu vận hành thử nghiệm
6	Bãi thải lưu giữ đất thải	Không
7	Nhà vệ sinh di động	Không

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn xây dựng

a. Khuyến khích giám sát môi trường không khí:

- Thông số: bụi, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí: 3 vị trí.

+ Điểm đầu tuyến tại km 0+00 giao với Quốc Lộ 7;

+ Điểm giao giữa Quốc Lộ 48E tại Km 16+700;

+ Điểm cuối dự án tại khu vực giao với đường Hồ Chí Minh.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: hàng ngày.

- Vị trí giám sát: toàn khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định, phân loại, thu gom và tập kết các loại chất thải rắn phát sinh tại khu vực thi công.

5.2. Giai đoạn vận hành

Quan trắc công trình:

- Vị trí giám sát: tại các vị trí xử lý nền đất yếu và thi công cầu.

- Thông số giám sát: độ lún, nghiêng, nứt, võng.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần trong vòng 24 tháng sau khi Dự án đi vào vận hành chính thức.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo vệ công trình xây dựng./.